TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Định Quốc

2. Ông Nguyễn Văn Đô

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 10 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: thôn Ya Hội, xã Y, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: ông Lê Hồng L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu phố 8, phường T, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Lê Hồng L thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Hồng L, bà Nguyễn Thị N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1998 tại xã Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi), thời gian chung sống kéo dài khoảng 02 năm. Đến năm 2000 thì ông Lê Hồng L xuống tỉnh Bình Thuận (nay là tỉnh Lâm Đồng) sinh sống cho đến nay. Do cần làm giấy khai sinh cho con chung, nên vào năm 2002 bà Nguyễn Thị N đã đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ để yêu cầu làm giấy chứng nhận kết hôn, bà Nguyễn Thị N là người đã ký và ghi tên thay cho ông Lê Hồng L vào mục "Chữ ký của chồng, vợ" tại Sổ đăng ký kết hôn, ông Lê Hồng L không tham gia và

không ký; sau đó, UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Hồng L. Nguyên đơn và bị đơn đều xác định nhiều năm nay không còn chung sống, không còn tình cảm, không còn quan tâm hay chăm sóc nhau; nguyên đơn bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bị đơn ông Lê Hồng L cho rằng không đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc nên việc UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn là trái pháp luật, ông yêu cầu Tòa án không công nhận họ là vợ chồng.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị N cung cấp 01 bản sao Trích lục kết hôn do UBND xã Đ cấp, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng tiến hành xác minh việc kết hôn giữa bà Nguyễn Thị N với ông Lê Hồng L và đã được UBND xã Đ phúc đáp tại Văn bản số 98/UBND-VP ngày 23/7/2025; ông Lê Hồng L không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Về con chung: giữa ông Lê Hồng L, bà Nguyễn Thị N có 02 con chung tên Lê Thanh L – sinh năm 1998 và Lê Thị Huyền T – sinh năm 2001, các con chung đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định tài sản là quyền sử dụng diện tích 249,4m^2 đất tọa lạc tại thôn Y, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là tỉnh Quảng Ngãi) đã được UBND thành phố K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 097479 ngày 04/11/2013 đứng tên bà Nguyễn Thị N là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị N, không phải là tài sản chung với ông Lê Hồng L. Tại Tòa án, ông Lê Hồng L xác định tài sản trên là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị N và không tranh chấp; do đó, bà Nguyễn Thị N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng pháp luật; đương sự chấp hành pháp luật. Về nội dung vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, cụ thể: về quan hệ hôn nhân: đề nghị cho bà Nguyễn Thị N ly hôn với ông Lê Hồng L; về con chung: con chung đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung: bà Nguyễn Thị N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản khi ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N và căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn", tuy nhiên bà Nguyễn Thị N có đơn xin rút một yêu

cầu phần khởi kiện về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn. Do đó, Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn"; bị đơn ông Lê Hồng L cư trú tại phường T, tỉnh Lâm Đồng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị N và ông Lê Hồng L đều xác định khi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) chỉ có bà Nguyễn Thị N ký vào Sổ đăng ký kết hôn và ký thay cho ông Lê Hồng L, ông Lê Hồng L không tham gia và không ký. Tuy nhiên, xem xét tài liệu là bản sao Trích lục kết hôn số 87/TLKH-BS ngày 28/3/2022 của Ủy ban nhân xã Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) do bà Nguyễn Thị Ncung cấp và văn bản phúc đáp số 98/UBND-VP ngày 23/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi cho thấy bà Nguyễn Thị N và ông Lê Hồng L có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/8/2002 tại Ủy ban nhân xã Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) tại số 21, quyển số 02/TP/HT-1999B. Do đó, có cơ sở để Tòa án xác định giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Hồng L tồn tại quan hệ vợ chồng hợp pháp; các đương sự trình bày như đã nêu tại phần nội dung vụ án nhưng không đưa ra được chứng cứ xác thực để chứng minh nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Hồng L đều xác định không còn tình cảm, cuộc sống chung đã chấm dứt từ lâu; bà Nguyễn Thị Ng yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, mục đích hôn nhân để xây dựng một gia đình hạnh phúc giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Hồng L không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án giải quyết cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Hồng L.

[2.2] Về con chung: bà Nguyễn Thị N và ông Lê Hồng L có 02 người con chung đã thành niên và tự lập được, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: tại đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị N có yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung khi ly hôn, nhưng quá trình tố tụng đã rút yêu cầu. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp chia tài sản khi ly hôn của bà Nguyễn Thị N.

[3] Về án phí: bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Lâm Đồng tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Lê Hồng L.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp chia tài sản khi ly hôn của bà Nguyễn Thị N.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 4.800.000 (bốn triệu tám trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000125 ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí.

4. Quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 10 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Đăk Mar, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Phương